

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐỐI VỚI TỪNG**  
**LOẠI CÂY TRỒNG**

<b>STT</b>	<b>CÂY TRỒNG</b>	<b>MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG</b>
<b>NHÓM CÂY ĂN QUẢ</b>		
1.	Bí đao	BIDAO1
2.	Bơ	BO0001
3.	Bòn bon	BONBON
4.	Bưởi	BUOI01
5.	Bưởi Thanh trà	BTT001
6.	Bưởi da xanh	BDX001
7.	Cam	CAM001
8.	Chanh	CHANH1
9.	Chanh leo	CL0001
10.	Chôm Chôm	CC0001
11.	Chuối	CHUOI1
12.	Đào	DAO001
13.	Dâu da	DAUDA1
14.	Dâu tây	DAUTAY
15.	Đu đủ	DUDU01
16.	Đu đủ xanh	DDX001
17.	Dừa	DUA001
18.	Dừa hấu	DUAHAU
19.	Dừa lê	DUALE1
20.	Dừa lười	DL0001
21.	Dứa/Thơm	DUA002
22.	Hồng	HONG01
23.	Hồng xiêm	HX0001
24.	Lê	LE0001
25.	Mận	MAN001
26.	Roi	ROI001
27.	Mãng cầu/Na	MC0001
28.	Mãng cụt	MC0002
29.	Mít	MIT001
30.	Mơ	MO0001
31.	Nhãn	NHAN01
32.	Nho	NHO001

33.	Ôi	OI0001
34.	Quát/Tắc	QUAT01
35.	Quýt	QUYT01
36.	Sầu riêng	SR0001
37.	Táo	TAO001
38.	Thanh Long	TL0001
39.	Thanh Long ruột đỏ	TLRĐ01
40.	Thanh Long ruột trắng	TLRT01
41.	Thanh Long ruột tím hồng	TLRTH1
42.	Thanh Long vỏ vàng, ruột trắng	TLVVRT
43.	Vải	VAI001
44.	Vú sữa	VUSUA1
45.	Xoài	XOAI01
46.	Dưa bở	DUABO1
47.	Nai dai	NADAI1
48.	Na bở	NABO01
49.	Dưa gang	DG0001
50.	Dưa vàng	DV0001
51.	Cây Chúc	CC0003
<b>NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC</b>		
52.	Đậu xanh	DX0001
53.	Khoai lang	KL0001
54.	Khoai môn	KM0001
55.	Khoai tây	KT0001
56.	Lúa	LUA001
57.	Lúa nếp	LUANEP
58.	Ngô/Bắp	NGO001
59.	Sắn/Khoai mì	SAN001
60.	Đậu đỏ	DAUDO1
61.	Đậu đen	DAUDEN
62.	Khoai sọ	KS0001
63.	Củ ấu	CUAU01
64.	Bắp non	BAPNON
<b>NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP</b>		
65.	Bạch đàn	BD0001
66.	Bông	BONG01
67.	Ca cao	CACAO1

68.	Cà phê	CAPHE1
69.	Cao su	CAOSU1
70.	Chè/Trà	CHE001
71.	Dâu tằm	DAUTAM
72.	Đậu tương	DT0001
73.	Điều	DIEU01
74.	Đinh hương	DH0001
75.	Hồ tiêu	HOTIEU
76.	Lạc	LAC001
77.	Mac ca	MACCA1
78.	Mía	MIA001
79.	Sacha Inchi	SI0001
80.	Thuốc lá	TL0002
81.	Tung dầu	TD0001
82.	Vừng	VUNG01
83.	Dong riềng	DR0001
84.	Đàn hương	DH0002
85.	Quế	QUE001
86.	Hồi	HOI001
87.	Cây cỏ bàng	CCB001
88.	Thuốc Lào	TL0003
89.	Cây Sim	CAYSIM
<b>NHÓM CÂY RAU VÀ GIA VỊ</b>		
90.	Bầu	BAU001
91.	Bí Ngô/Bí đỏ	BINGO1
92.	Cà chua	CACHUA
93.	Cà rốt	CAROT1
94.	Cà tím	CATIM1
95.	Cải bắp	CAIBAP
96.	Cải củ	CAICU1
97.	Cải thảo	CT0001
98.	Cải xanh	CX0001
99.	Cần tây	CANTAY
100.	Chi diếp/Luối mác	CD0001
101.	Chùm ngây	CN0001
102.	Đậu Bắp	DAUBAP
103.	Đậu các loại	DCL001
104.	Đậu đũa	DAUDUA

105.	Đậu Hà Lan	DHL001
106.	Dưa chuột/Dưa leo	DC0001
107.	Gùng	GUNG01
108.	Hành tây	HT0001
109.	Hành	HANH01
110.	Hẹ	HE0001
111.	Hoa hòi	HOAHOI
112.	Húng	HUNG01
113.	Măng tây	MT0001
114.	Măng tre	MT0002
115.	Mướp đắng	MD0001
116.	Nghệ	NGHE01
117.	Ớt	OT0001
118.	Ớt hiểm	OTHIEM
119.	Ớt xiêm	OTXIEM
120.	Rau Dền	RAUDEN
121.	Rau muống	RM0001
122.	Su hào	SUHAO1
123.	Súp lơ trắng	SLT001
124.	Súp lơ xanh	SLX001
125.	Tỏi	TOI001
126.	Xà lách	XL0001
127.	Bí ngòi	BINGOI
128.	Củ nén/hành tằm	HT0002
129.	Cà pháo	CAPHAO
130.	Cà pháo chùm	CPC001
131.	Củ dền	CUDEN1
132.	Su su	SUSU01
133.	Đậu ngự	DAUNGU
134.	Cải ngọt	CN0002
135.	Cải thìa	CT0002
136.	Sả/Sả chanh	SA0001
137.	Kiệu	KIEU01
138.	Tía tô	TIATO1
139.	Kinh giới	KG0001
140.	Húng quế	HQ0001
141.	Diếp cá/Giáp cá	DIEPCA
142.	Mồng tơi	MT0003
143.	Cải chân vịt/ Tần ô	CCV001

144.	Riềng	RIENG1
145.	Rau mùi/ Ngò rí	RAUMUI
146.	Rau răm	RAURAM
147.	Rau ngổ	RAUNGO
148.	Thìa là/ Thì là	THIALA
149.	Nấm sò	NAMSO1
150.	Nấm rơm	NAMROM
151.	Nấm kim châm	NKC001
152.	Nấm mỡ	NAMMO1
153.	Nấm đùi gà	NDG001
154.	Nấm hương/ Nấm Đông cô	NH0001
155.	Mộc nhĩ/ Nấm mèo	MOCNHI
156.	Mướp hương	MH0001
157.	Cải bẹ/ Cải Đông dư	CAIBE1
158.	Cải ngồng	CN0004
159.	Cải cúc	CAICUC
160.	Cải mөр	CAIMO1
161.	Đậu Cove/ Đậu trạch	DCV001
162.	Bí xanh	BIXANH
163.	Củ cải trắng	CCT001
164.	Củ cải đỏ	CCD001
165.	Mùi tàu (Ngò gai)	MUITAU
166.	Hương nhu	HN0001
167.	Rau	RAU001
168.	Rau má	RM0002
169.	Rau thập tự	RTT001
170.	Rau gia vị	RGV001
171.	Rau họ Bầu bí	RHBB01
172.	Cải xoong	CX0002
173.	Súp lơ	SUPLO1
174.	Rau nhút	RN0001
<b>NHÓM CÂY DƯỢC LIỆU</b>		
175.	Sâm nữ hoàng/ Dương đề nhân	SNH001
176.	Cây Atiso	ATISO1
177.	Cây Địa liên	CDL001
178.	Ngải cứu	NC0001
179.	Củ mài/ Hoài sơn	CUMAI1
180.	Dừa cạn	DC0002

181.	Bạc hà	BH0001
182.	Dây thìa canh	DTC001
183.	Cỏ ngọt	CN0003
184.	Cà gai leo	CGL001
185.	Sen	SEN001
186.	Kim ngân hoa	KNH001
187.	Sâm Nam núi Dành	SNND01
188.	Cây Hương thảo	HT0003
189.	Trà Hoa vàng	THV001
190.	Ba Kích	BAKICH
191.	Thạch đen	TD0002
192.	Nha đam	NHADAM
193.	Tang ký sinh	TKS001
194.	Chè dây	CHEDAY
<b>NHÓM HẠT GIỐNG</b>		
195.	Hạt giống Ớt ngọt	ON001G
196.	Hạt giống Ớt cay	OC001G
197.	Hạt giống Cà chua	CC001G
<b>NHÓM NGỌN GIỐNG, CÂY GIỐNG HOA</b>		
198.	Ngọn giống, cây giống hoa Thu Hải Đường	THD01G
199.	Ngọn giống, cây giống hoa Càng cua	HCC01G
200.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc cánh môi	CCC01G
201.	Ngọn giống, cây giống hoa xương rồng bát tiên	XRBT1G
202.	Ngọn giống, cây giống hoa chuông	HC001G
203.	Ngọn giống, cây giống hoa dâm bụt	DB001G
204.	Ngọn giống, cây giống hoa mã đề	MD001G
205.	Ngọn giống, cây giống hoa cẩm chướng	CC002G
206.	Ngọn giống, cây giống hoa oải hương	OH001G
207.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc Nam Phi	CNP01G
208.	Ngọn giống, cây giống hoa Hạnh tiên thảo	HTT01G
209.	Ngọn giống, cây giống hoa hồng trai	HHT01G
<b>NHÓM HOA CÂY CẢNH</b>		

210.	Hoa Nhài	NHAI01
211.	Hoa Lay on	LAYON1
212.	Hoa Lily	LILY01
213.	Hoa Đồng tiền	DT0002
214.	Hoa Cúc	CUC001
215.	Hoa Cẩm chướng	CC0002
216.	Hoa Lan Hồ điệp	LHD001
217.	Hoa Địa lan	DIALAN
218.	Hoa Tulip	TULIP1
219.	Cây trầu bà	TRAUBA
220.	Cây trầu bà lá xẻ	TBLX01
221.	Ráy	RAY001
222.	Môn	MON001
223.	Thiên niên kiện	TNK001
224.	Trúc bặc	TB0001
225.	Hồng môn	HM0001
226.	Cây trầu bà rừng	TBR001
227.	Cây trầu bà cánh én	TBCE01
228.	Hoa lan	HOALAN
229.	Mẫu đơn	MAUDON